

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH.....	3
Chương I.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	5
1. Tên chủ cơ sở.....	5
2. Tên cơ sở.....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	6
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	7
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở.....	7
4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Cơ sở.....	8
5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở.....	8
5.1. Quy mô các hạng mục công trình đã đầu tư.....	8
5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....	9
Chương II.....	12
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
Chương III.....	13
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	13
1.3. Xử lý nước thải.....	14
1.3.1. Hệ thống bể tự hoại.....	14
1.3.2. Bể tách dầu mỡ sơ bộ.....	14
1.3.3. Hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học.....	15
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	19
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	19

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	20
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	22
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	22
6.1. Sự cố hệ thống xử lý nước thải	22
6.2. Sự cố cháy nổ.....	22
7. Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác	23
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	24
Chương IV	25
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	25
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	25
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	26
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	26
Chương V	27
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	27
Chương VI	29
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	29
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	29
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	29
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	29
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	29
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	30
Chương VII.....	31
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	31
Chương VIII	32
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	32
PHỤ LỤC BÁO CÁO	33

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước của Siêu thị	8
Bảng 1.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình.....	9
Bảng 3.1. Danh mục thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải.....	19
Bảng 3.2. Thống kê nhóm CTRSH, bùn thải và phế liệu phát sinh năm 2022	20
Bảng 3.3. Thống kê CTNH năm 2022	21
Bảng 3.4. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM và GPXT.....	24
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	25
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung.....	26
Bảng 5.1. Chất lượng nước thải sau khi xử lý theo kết quả quan trắc năm 2022 - nay	28
Hình 1.1. Sơ đồ quy trình kinh doanh của siêu thị.....	6
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của siêu thị	13
Hình 3.2. Mô hình mặt cắt đứng bể tự hoại 3 ngăn.....	14
Hình 3.3. Hệ thống tách dầu mỡ xử lý sơ bộ nước thải sơ chế và chế biến thức ăn.....	15
Hình 3.4. Hình ảnh thực tế hệ thống tách dầu mỡ sơ bộ.....	15
Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải Siêu thị Co.opmart Đông Hà	16
Hình 3.6. Hình ảnh thực tế về thùng chứa CTR tại siêu thị.....	20
Hình 3.7. Hình ảnh thực tế về kho chứa chất thải nguy hại tại siêu thị	21

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BYT	Bộ Y tế
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CP	Chính phủ
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTR	Chất thải rắn
8	NĐ	Nghị định
9	HTKT	Hạ tầng kỹ thuật
10	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
11	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
12	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
13	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
14	UBND	Ủy ban nhân dân
15	HTKT	Hạ tầng kỹ thuật

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Đông Hà.
- Địa chỉ: Số 02, Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị.
- Đại diện theo pháp luật: (Ông) Lê Trường Sơn - Chức vụ: Chủ tịch công ty.
- Điện thoại: 0233.3666.999.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200266549 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 15/8/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/02/2023.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Siêu thị Co.opmart Đông Hà.
- Đại diện cơ sở: (Ông) Đặng Tứ Minh San - Chức vụ: Giám đốc.
- Siêu thị Co.opmart Đông Hà có vị trí tại số 02, Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 2.517 m², chính thức đi vào hoạt động từ năm 2010.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có): Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2365/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Trị.
- Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Siêu thị Co.opmart Đông Hà”;
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng có tổng mức đầu tư 41.736.810 tỷ đồng, có tiêu chí thuộc dự án nhóm C.

Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án nhóm III, phụ lục V ban hành kèm Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, thuộc đối tượng phải lập GPMT theo quy định tại khoản 2 điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

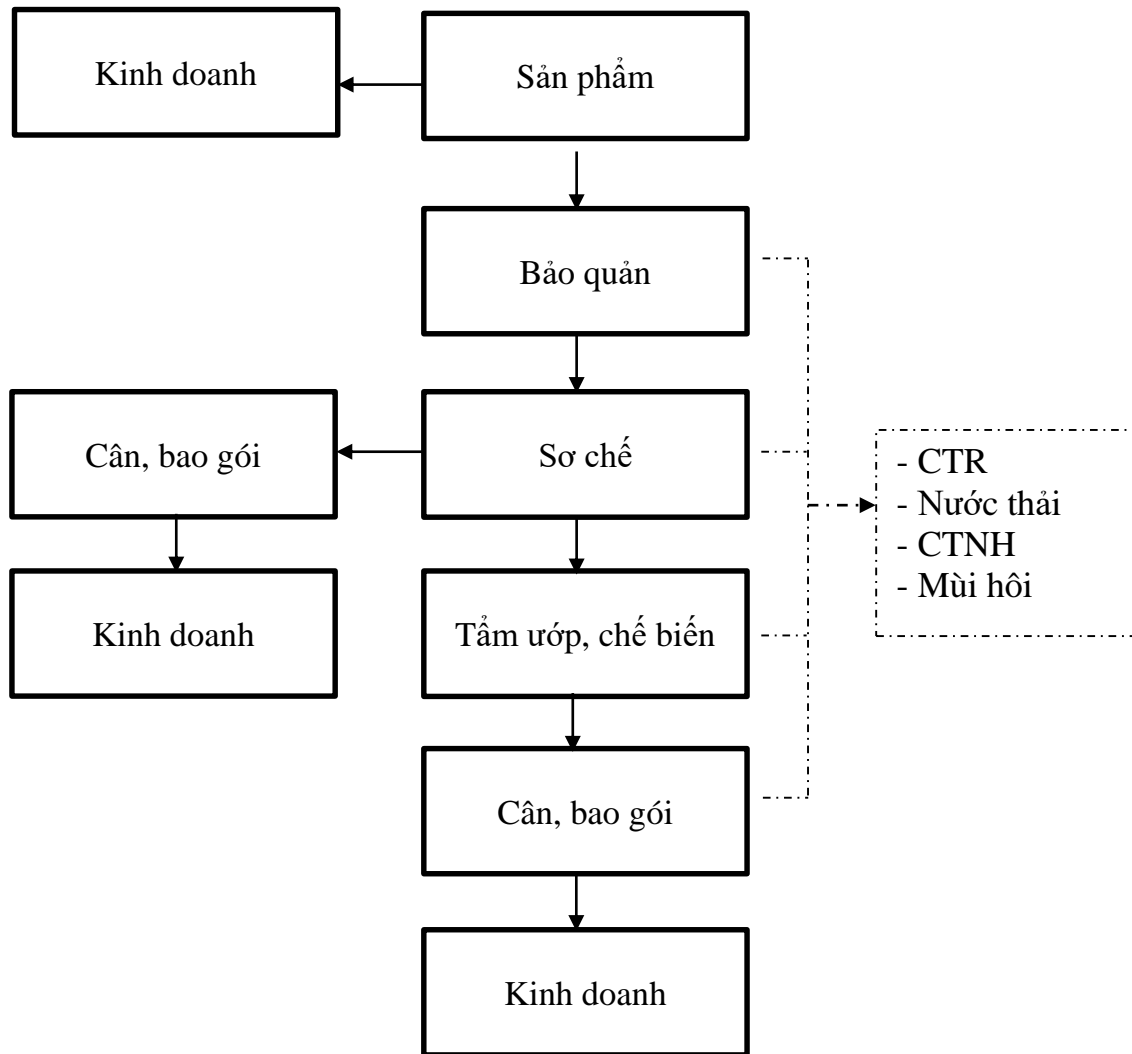
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

- Công suất phục vụ: Siêu thị Co.opmart Đông Hà có công suất phục vụ tối đa là 2.100 khách/ngày.
- Số lượng CBCNV: 96 người.
- Thời gian phục vụ: từ 8 giờ đến 22 giờ hằng ngày.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Siêu thị không trực tiếp sản xuất chỉ phục vụ kinh doanh các sản phẩm bao gồm thực phẩm tươi sống, thực phẩm khô, hàng may mặc, đồ điện, đồ gia dụng, hóa mỹ phẩm, thực phẩm sơ chế biến,... và các dịch vụ ăn uống, các gian hàng, shop trưng bày cho thuê. Quy trình kinh doanh của siêu thị được minh họa qua sơ đồ sau:



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình kinh doanh của siêu thị

Mô tả sơ đồ quy trình:

- Quy trình mua hàng sẽ bắt đầu bằng nhu cầu mua hàng hóa. Nhu cầu đó có thể bắt nguồn từ hàng tồn kho, dự báo nhu cầu thị trường thời gian tới. Từ đó, bộ phận cần mua sẽ lập đề nghị mua hàng gửi đến ban lãnh đạo.

- Tùy theo ngành hàng mà cán bộ mua hàng sẽ căn cứ vào đề nghị mua hàng để tìm kiếm các NCC, yêu cầu báo giá từ các NCC khác nhau để so sánh giá, điều kiện/điều khoản, thời gian giao hàng... từ đó lựa chọn ra nhà NCC tốt nhất. Hoặc lấy thông tin từ các đơn hàng trước đó để yêu cầu báo giá (Đối với các NCC đã giao dịch trước đó).

- Sau đó, nhân viên sẽ lập đơn hàng mua hoặc hợp đồng mua đối với các hàng hóa cần mua đối với NCC để tiến hành đặt hàng. Việc lập đơn hàng trước hay Hợp đồng trước phụ thuộc vào thông lệ/tập quán của doanh nghiệp hay tính chất hợp đồng... Tiến hành chuyển cho trưởng bộ phận kiểm duyệt.

- Đối với ngành hàng thực phẩm tươi sống, Siêu thị sẽ có thêm công đoạn sơ chế hoặc tẩm ướp tùy thuộc vào mỗi loại thực phẩm trước khi cân, bao gói bán ra thị trường.

Trường hợp đơn hàng có sai sót, đơn hàng sẽ được trả lại cho cán bộ phụ trách kiểm tra và thực hiện lại. Nếu không có vấn đề gì, trưởng bộ phận sẽ duyệt và đơn hàng được chuyển đến NCC để đặt hàng.

Tiếp theo, khi NCC giao hàng đến, bộ phận tiếp nhận/nhập hàng sẽ có trách nhiệm kiểm đếm và kiểm tra tình trạng hàng hóa bằng phương pháp cảm quan. Tại đây, biên bản ghi nhận sẽ được thực hiện để ghi nhận số lượng giao hàng thực tế và tình trạng hư hỏng nếu có.

Trong trường hợp có hàng hóa hư hỏng, cán bộ mua hàng sẽ thực hiện trả lại hàng cho NCC để trừ công nợ (hoặc hoàn lại tiền hàng).

Cuối cùng là bước thanh toán tiền hàng cho NCC được thực hiện ở bộ phận kế toán.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Hoạt động của cơ sở chủ yếu là kinh doanh các mặt hàng như sau:

- Kinh doanh các đồ dùng cho gia đình như: gốm, sứ, thủy tinh; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Kinh doanh vải, hàng may mặc, giày dép, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác.
- Kinh doanh thực phẩm: đường, sữa và các sản phẩm sữa; bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thịt và các sản phẩm từ thịt; thực phẩm khác...
- Kinh doanh đồ uống: có cồn và không có cồn.
- Buôn bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh như: rau, quả...

Ngoài ra, cơ sở còn kinh doanh các sản phẩm phục vụ vệ sinh các nhân đến các mỹ phẩm và nhiều mặt hàng khác.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu của cơ sở

- Nguyên liệu: Hàng hóa bao gồm 5 ngành hàng chính có nguồn gốc trong và ngoài nước bao gồm: đồ dùng, may mặc, thực phẩm công nghệ, thực phẩm tươi sống và hoá mỹ phẩm.

- Nhu cầu sử dụng nhiên liệu: Nhu cầu nhiên liệu chủ yếu là dầu diesel (sử dụng cho các loại phương tiện vận tải, máy phát điện) và khí gas (phục vụ hoạt động nấu nướng của Siêu thị).

4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của Cơ sở

- Điện: Nguồn điện tự dùng cho Cơ sở được lấy từ mạng lưới điện chung của khu vực. Điện phục vụ cho hoạt động của Siêu thị gồm: Chiếu sáng, vận hành máy móc thiết bị, sinh hoạt của CBCNV. Tham khảo hóa đơn điện hàng tháng của Cơ sở do Công ty Điện lực Quảng Trị cấp, cho thấy từ đầu năm 2023 đến nay lượng điện tiêu thụ thấp nhất vào tháng 2 (01/2-28/2/2023) là 61.014 kWh và lượng điện tiêu thụ cao nhất vào tháng 8 (01/8-31/8/2023) là 115.312 kWh.

- Nước: Nguồn nước sử dụng là nước cấp tại địa phương của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị. Nhu cầu sử dụng nước của Siêu thị: Nước sinh hoạt bao gồm nước cho hoạt động của nhà hàng, sinh hoạt của nhân viên, khách vãng lai, nước vệ sinh sàn, thiết bị, ...

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước của Siêu thị

STT	Mục đích sử dụng nước	Số lượng lớn nhất (Người)	Số lượng trung bình (Người)	Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất (m ³ /ngày)	Nhu cầu sử dụng nước trung bình (m ³ /ngày)
1	Sinh hoạt của CBCNV	96 (người/ngày)	96 (người/ngày)	9,6	9,6
2	Sinh hoạt của khách vãng lai	2.100 (người/ngày)	1.800 (người/ngày)	21	18
3	Vệ sinh sàn, thiết bị, tưới cây...	-	-	3	3
4	Hoạt động của Khu ăn uống	200	80	20	7
	Tổng (tính tối đa)		-	53,6	37,6

Như vậy:

Tổng nhu cầu sử dụng nước tối đa cho hoạt động của Siêu thị là: 53,6m³/ngày.đêm.

Tổng nhu cầu sử dụng nước trung bình cho hoạt động của Siêu thị là: 37,6 m³/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

5.1. Quy mô các hạng mục công trình đã đầu tư

Cơ sở “Siêu thị Co.opmart Đông Hà” được xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2010, quy mô Siêu thị: có 250 điểm kinh doanh bao gồm 5 ngành hàng chính

là: đồ dùng, may mặc, thực phẩm công nghệ đông lạnh, thực phẩm tươi sống và hoá mỹ phẩm.

Các công trình chính phục vụ cho hoạt động của Siêu thị được trình bày cụ thể như bảng sau:

Bảng 1.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình

Tầng	Diện tích	Các hạng mục
Tầng hầm	1.200m ²	Bãi giữ xe 804 m ² ; Khu vệ sinh; Phòng nhân viên kỹ thuật; Phòng máy bơm; Phòng nhiên liệu máy phát điện; Phòng máy phát điện dự phòng; Phòng điều khiển điện trung tâm; Trạm biến thế; Phòng bảo vệ; Kho siêu thị 581m ² ; Hồ nước PCCC 120m ³ .
1	1.800m ²	Khu bán hàng tự chọn 1.013m ² (bao gồm khu vực sơ chế, chế biến thực phẩm tươi sống); Khu cửa hàng cho thuê 221m ² ; Quầy tính tiền; Lối ra vào; Các quầy dịch vụ, gửi đồ, ...; Khu vệ sinh khách, sảnh và cầu thang, hành lang; Kho Siêu thị 135m ² .
2	1.786m ²	Khu bán hàng tự chọn 798m ² ; Khu cửa hàng cho thuê 476m ² ; Quầy tính tiền; Lối ra vào; ...; Khu vệ sinh khách, sảnh và cầu thang, hành lang; Kho Siêu thị 276m ²
3	320m ²	Văn phòng siêu thị; Sảnh tầng và đường nội bộ

5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Công trình biện pháp xử lý nước thải

*** Nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt (nước thải đen) từ hoạt động sinh hoạt CBCNV, khách hàng mua sắm tại siêu thị được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn trước khi thu gom vào hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống nhựa PVC Φ110.

*** Đối với nước thải từ hoạt động của nhà hàng và nước thải từ quá trình rửa thực phẩm đông lạnh:**

Trước khi đưa vào hệ thống xử lý, nước thải được xử lý sơ bộ như sau:

- Nước thải được đưa qua lưới lọc rác nhằm loại bỏ các thành phần rác thải vô cơ, rác có kích thước lớn, ... trước khi dẫn vào hệ thống xử lý bằng công nghệ sinh học;

- Nước thải từ các khu vực sản xuất khác theo đường ống nhựa PVC Φ110 dẫn về hố ga chứa nước trước khi dẫn đến hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải từ khu vực nhà hàng được đưa qua bể tách dầu mỡ sơ bộ trước khi

vào hệ thống xử lý nước thải chung của Siêu thị.

**** Hệ thống XLNT tập trung của Siêu thị***

- Nước thải sinh hoạt của CBCNV Siêu thị, khách vãng lai sau khi xử lý bằng bể tự hoại và nước thải từ hoạt động chế biến thực phẩm sau khi xử lý bằng bể tách dầu mỡ sơ bộ sẽ được đầu nối về hệ thống XLNT tập trung của Siêu thị để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Công suất xử lý tối đa: 50 m³/ngày.đêm.

b. Công trình biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn

- Chủ cơ sở đã cho bố trí hoa, cây cảnh trong nhà, trồng cây xanh trong khuôn viên nhằm giảm bụi và tiếng ồn trong nhà, ngăn chặn bụi, tiếng ồn từ đường giao thông đồng thời góp phần cải thiện môi trường không khí trong khu vực.

- Hàng ngày, bố trí nhân viên tiến hành thu gom rác và hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà thu gom, vận chuyển đi xử lý. Tránh để rác tồn đọng lâu sẽ phân hủy, bốc mùi khó chịu, gây ảnh hưởng đến môi trường không khí trong khu vực.

- Trong quá trình vệ sinh Siêu thị, yêu cầu nhân viên không mở cửa sổ ở tầng cao nhằm không chế bụi và mùi phát tán ra ngoài.

- Siêu thị sử dụng hệ thống điều hòa không khí hoàn chỉnh, cấp độ trung bình theo tiêu chuẩn của ASHRAE (American Society of Heating, Refrigerating, and Air-Conditioning Engineers - Hội kỹ sư điện lạnh và sưởi nóng của Mỹ). Hệ thống điều hòa được thiết kế nhằm tạo ra môi trường không khí thích hợp với tính năng riêng của từng khu vực Siêu thị.

c. Công trình biện pháp xử lý CTR, CTNH

**** CTR***

Chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động của Siêu thị sẽ được thu gom trong các thùng rác đặt ở các khu vực tập trung đông người, hàng ngày tập kết về thùng rác lớn. Công ty sẽ hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà để thu gom, vận chuyển đi xử lý.

**** CTNH:***

Toàn bộ CTNH phát sinh từ hoạt động của đơn vị được thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thiết bị lưu chứa riêng biệt theo từng loại tại kho CTNH của Công ty.

Nhà kho lưu chứa CTNH đảm bảo có mái che kín nắng mưa, đảm bảo không chảy tràn, trang bị các thiết bị PCCC, vật liệu hấp thụ, biển cảnh báo... theo quy định quy trình quản lý chất thải nguy hại hiện hành.

Chất thải nguy hại sau khi lưu chứa một thời gian sẽ được bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chuyển giao CTNH sẽ được lập Biên bản giao nhận và Chứng từ CTNH theo đúng quy định hiện hành.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở “Siêu thị Co.opmart Đông Hà” đi vào vận hành thương mại vào năm 2010 đã được UBND tỉnh Quảng Trị đồng ý về chủ trương, cho phép đầu tư, cho thuê đất và tạo điều kiện thuận lợi để Dự án triển khai:

Các văn bản pháp lý thể hiện chủ trương đó là:

+ Thông báo số 32/TB-UBND ngày 7/4/2009 của UBND tỉnh Quảng Trị về ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Hữu Thăng tại buổi làm việc với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Co.op.

+ Biên bản thỏa thuận giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Đông Hà ngày 7/5/2009 về việc giải phóng mặt bằng, cho thuê đất và một số thỏa thuận khác liên quan đến việc triển khai xây dựng công trình Siêu thị Co.opmart Đông Hà.

Ngoài ra, Công trình cũng đã được cấp Chứng chỉ quy hoạch số 175/CCQH ngày 22/5/2009 của Sở Xây dựng Quảng Trị giao cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Đông Hà về quy hoạch và sử dụng đất đai công trình: Siêu thị Co.opmart Đông Hà.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Đặc thù của Cơ sở là thực hiện hoạt động kinh doanh buôn bán lẻ, do đó những tác động đến môi trường xung quanh không lớn. Tác động chủ yếu là nước thải của Siêu thị.

Lưu lượng nước thải của siêu thị tối đa là $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thời gian xả thải phân bổ suốt 24 giờ/ngày, lưu lượng xả thải trung bình là 0,58 lít/giây.

Nước thải sau khi được xử lý sẽ được dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm trên đường Phan Bội Châu dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung thành phố Đông Hà, xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường tiếp nhận là sông Hiếu. Với lưu lượng tối đa thải ra cống thoát nước chung là 0,58lít/giây, quá trình xả thải của siêu thị sẽ không gây ảnh hưởng đến chế độ dòng chảy của hệ thống thoát nước trong khu vực.

Mặt khác, nước thải sinh hoạt của cơ sở $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT (*chi tiết ở bảng 5.1*). Điều đó cho thấy, hoạt động của Siêu thị tác động không lớn đến môi trường xung quanh.

→ Hoạt động Cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công trình sử dụng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với nước thải như sau:

- Nước mưa từ mái công trình được dẫn vào các sênô thu nước, qua lưới chắn rác tại các phễu thu và theo ống thoát nước mưa Ø114 đến hố ga, thoát ra hệ thống thoát nước chung (đường Phan Bội Châu).

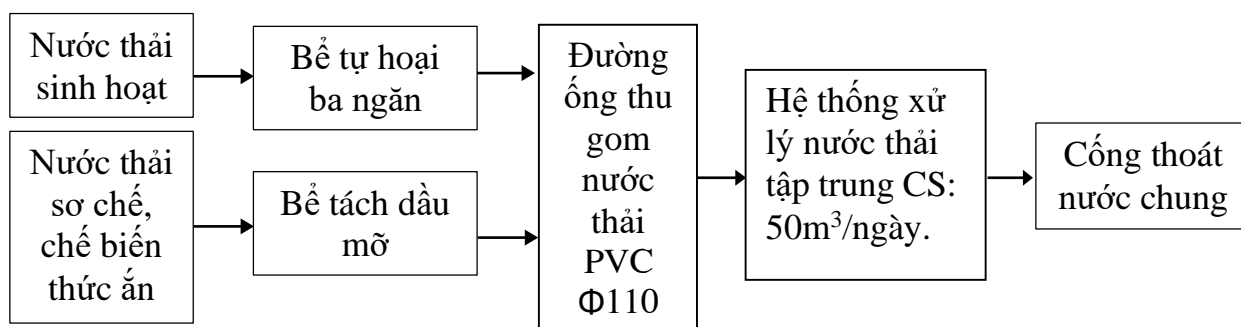
- Đối với tầng hầm: Đặt 2 mương thu nước có nắp đan tại đường dốc xuống tầng hầm. Mương ở đầu đường dốc dẫn ra hố ga trên đường. Mương tại cuối đường dốc kết hợp với rãnh thoát nước mặt xung quanh hầm, được dẫn vào bể chứa nước rồi bơm ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Bơm thoát nước hoạt động tự động khi mực nước dâng lên. Hệ thống bao gồm 2 máy bơm, trong đó 1 máy dự phòng. Sau đó nước được thoát ra theo hệ thống thu gom nước của khu vực tại đường Phan Bội Châu.

- Đối với bãi giữ xe 2 bánh trước công siêu thị, khu vực ra vào nước mưa sẽ theo độ nghiêng địa hình thoát ra hệ thống thoát nước của thành phố dọc tuyến đường Trần Hưng Đạo.

- Nước ngưng tụ từ hệ thống điều hòa cũng được thoát theo tuyến thu gom nước mưa. Nước ngưng tụ tại dàn tản nhiệt trên mái nhà sẽ chảy theo các máng nghiêng về tuyến ống Ø114 nói trên.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Quá trình thu gom nước thải siêu thị Co.opmart Đông Hà được tóm tắt như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của siêu thị

- Đối với nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của siêu thị được thu gom bằng ống PVC Ø110 vào bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn được đấu nối với đường ống thu gom nước thải (PVC

Φ110) nằm âm bên dưới lối đi nội bộ và chảy về bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Siêu thị.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được xử lý bằng bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn. Dưới ảnh hưởng của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài đảm bảo hiệu suất lắng cao.

+ Bể tự hoại được xây dựng âm bên dưới lối đi bộ của siêu thị, 90-92 % các chất lơ lửng được lắng xuống đáy bể, qua một thời gian cặn sẽ phân hủy yếm khí trong ngăn lắng, sau đó nước thải qua ngăn lọc và thoát ra ngoài qua ống dẫn. Trong ngăn lọc có chứa vật liệu lọc là đá 4x6 phía dưới, đá 1x2 ở giữa, và cát lọc trên cùng.

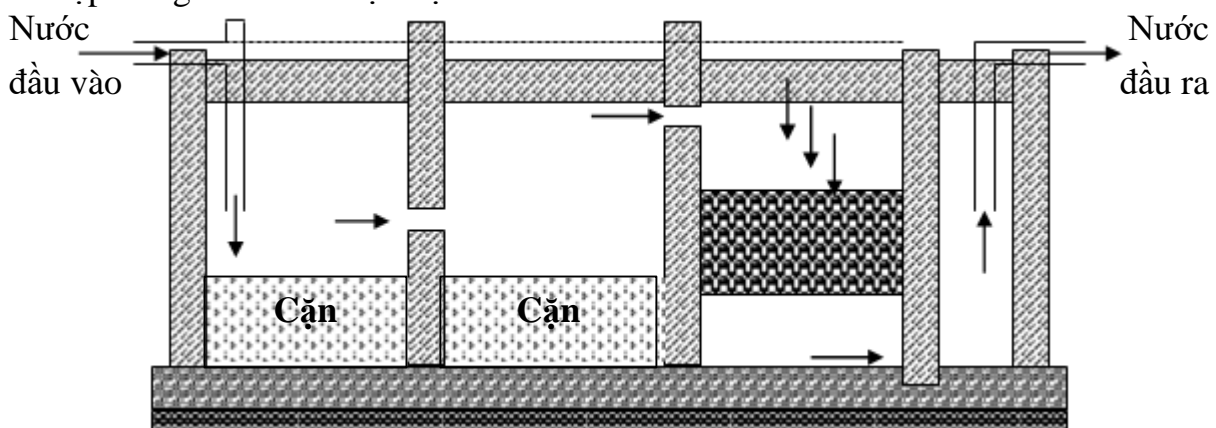
- Đối với nước khu vực sơ chế và chế biến thức ăn: được đưa qua bể tách mỡ sơ cấp để loại bỏ thịt vụn và một phần mỡ kích thước lớn. Sau đó, được thu gom bằng ống nhựa PVC Φ110 nằm âm bên dưới lối đi bộ dẫn vào bể tách mỡ thứ cấp để loại bỏ váng dầu mỡ trong nước thải. Nước thải sau bể lắng thứ cấp sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của siêu thị.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm trên đường Phan Bội Châu.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Hệ thống bể tự hoại

Đối với siêu thị Co.opmart Đông Hà, nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.. Sơ đồ bể tự hoại như sau:



Hình 3.2. Mô hình mặt cắt đứng bể tự hoại 3 ngăn

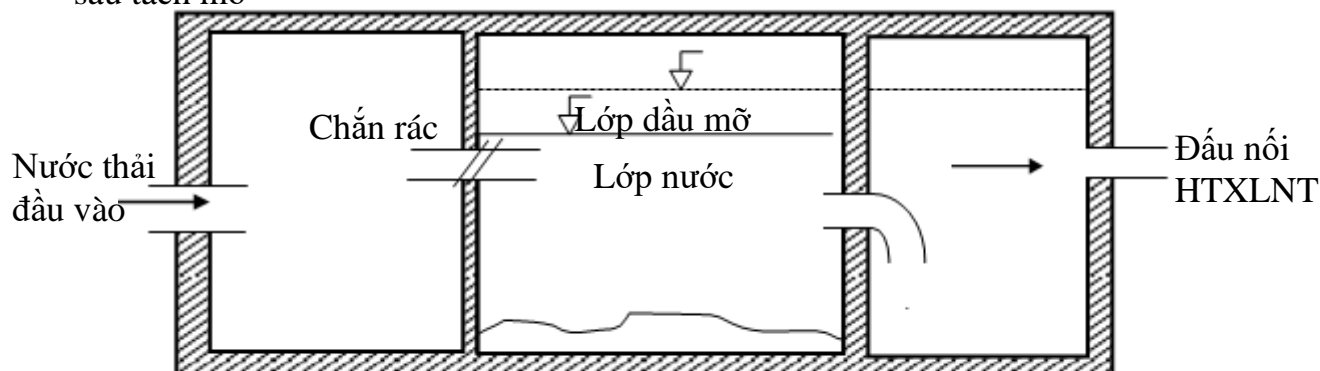
1.3.2. Bồn tách dầu mỡ sơ bộ

Nước thải từ khu vực sơ chế và chế biến thức ăn được dẫn qua bể tách dầu trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Bể tách mỡ sơ bộ là thiết bị tách mỡ 3 ngăn bằng inox lắp đặt dưới các chậu rửa có chứa mỡ. Siêu thị đã lắp đặt 07 bể có thể tích 50 lít được phân bố nằm ngay sau

bồn sơ chế và chế biến thức ăn, có chức năng loại bỏ thịt vụn và mỡ có kích thước lớn trong nước thải trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải.

Thiết bị gồm 3 ngăn: (1) ngăn tách rác; (2) ngăn tách mỡ; (3) ngăn thoát nước sau tách mỡ



Hình 3.3. Hệ thống tách dầu mỡ xử lý sơ bộ nước thải sơ chế và chế biến thức ăn

Nguyên lý làm việc của thiết bị tách mỡ: Nước thải từ các chậu rửa được dẫn vào ngăn số 1. Trong ngăn số 1 lắp đặt giỏ rác để loại bỏ các thành phần rác có kích thước lớn như thịt vụn, lá cây, vảy cá,... Khi nước có chứa mỡ, cặn vào hệ thống thì mỡ bị nhẹ hơn nổi lên mặt nước được giữ lại ở ngăn thứ 2. Nước ở phía dưới sẽ sang ngăn tách dầu lần 2 đồng thời cặn bản không tan lắng xuống đáy. Theo chu trình trên lượng dầu còn sót lại sẽ bị giữ ở ngăn thứ 2. Nước thải sau tách mỡ trong ngăn 3 sẽ theo đường ống thu gom nước thải dẫn về HTXLNT. Rác, mỡ nổi và cặn lắng được vệ sinh hàng ngày.



Hình 3.4. Hình ảnh thực tế hệ thống tách dầu mỡ sơ bộ

1.3.3. Hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học

Các loại nước thải phát sinh bao gồm: nước thải sinh hoạt (Cán bộ, công nhân viên và khách vãng lai), nước vệ sinh sàn hàng ngày và nước phục vụ hoạt động của Khu ăn uống.

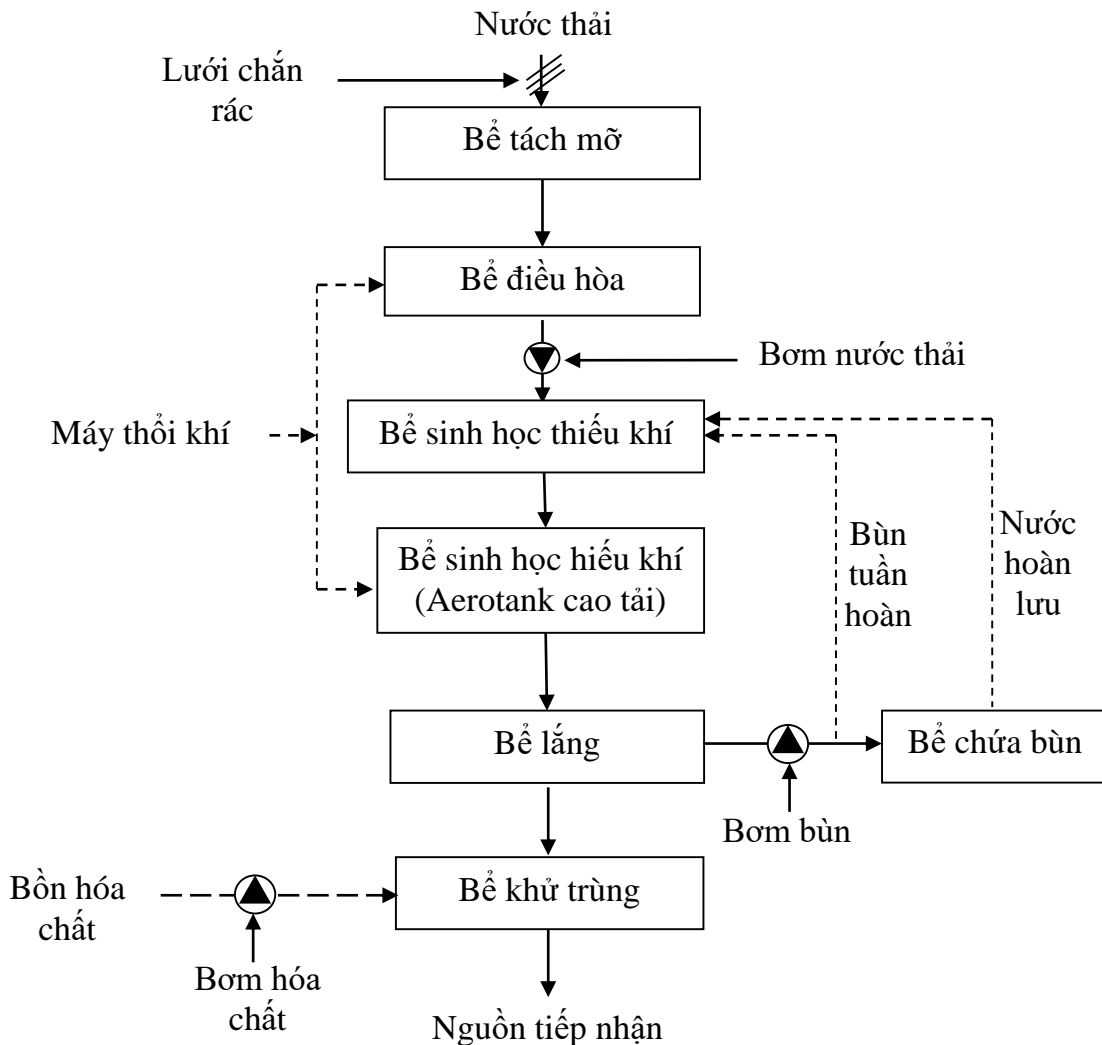
Lượng nước thải chiếm 80% lượng nước cấp, tương ứng:

$$+ \text{Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: } 53,6 \times 80\% = 42,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Lưu lượng xả nước thải trung bình: $37,6 \times 80\% = 30,08 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Theo tính toán trên tổng lượng nước thải lớn nhất cần thu gom, xử lý là $42,8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Hiện nay, Siêu thị đã vận hành hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học với công suất tối đa $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, đảm bảo xử lý hiệu quả lượng nước thải của Siêu thị.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại và nước thải khu vực chế biến thực phẩm sau xử lý sơ bộ bằng hệ thống tách mỡ sơ bộ sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ sinh học của siêu thị:



Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải Siêu thị Co.opmart Đông Hà

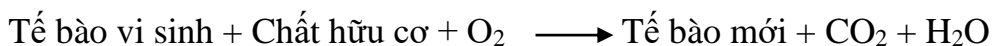
- *Thuyết minh quy trình xử lý:*

Nước thải qua lưới chắn rác dẫn về bể tách mỡ, lưới chắn rác có nhiệm vụ giữ lại các rác thải vô cơ có kích thước lớn như đất, đá, bao bì nhựa, giấy carton, vải, gỗ, đất đá, các loại rác từ quá trình rửa rau quả, chế biến đông lạnh. Tại bể tách mỡ, mỡ và các chất hữu cơ, vô cơ có kích thước lớn được tách hàng tuần bằng phương pháp thủ công. Nước thải tiếp tục tự chảy vào bể điều hòa nhằm điều hòa nồng độ, lưu lượng ổn định cho quá trình xử lý phía sau.

Nước thải từ bể điều hòa được bơm tự động qua bể thiếu khí. Trong bể thiếu khí diễn ra quá trình khử nitrate (Denitrification), chuyển hóa N ở dạng Nitrate (NO_3^-) thành N dạng khí với sự tham gia của các loại vi khuẩn Pseudomonas, Achromobacter,...

Nước thải từ bể sinh học thiếu khí tự chảy vào bể sinh học hiếu khí (bể Aeroten cao tải). Tại bể này, khí được thổi từ dưới lên bằng hệ thống sục khí khuếch tán và hòa tan oxy vào nước. Trong điều kiện sục khí liên tục, các vi khuẩn hiếu khí sẽ oxy hóa hầu hết các hợp chất hữu cơ ô nhiễm có trong nước thải.

Phương trình cơ bản của quá trình phân hủy:



Nước thải sau khi ra khỏi bể sinh học hiếu khí sẽ tự chảy vào bể lắng. Phần bùn hoạt tính được lắng xuống, tập trung ở hố thu bùn dưới đáy bể lắng. Bùn được tuần hoàn một phần lại bể sinh học thiếu khí để đảm bảo duy trì lượng bùn ổn định cho quá trình phân hủy các chất hữu cơ ô nhiễm. Phần bùn còn lại sẽ được bơm về bể phân hủy bùn và định kỳ thu gom xử lý. Phần nước trong trên bề mặt bể lắng sẽ thu gom vào bể tiếp xúc khử trùng.

Nước thải trong bể tiếp xúc khử trùng được châm dung dịch Chlorin, NaOCl để tiêu diệt hết các vi sinh vật gây bệnh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B theo đường ống dẫn nước thải từ bể khử trùng ra mương dẫn nước chung của Thành phố bằng nhựa PVC Φ110, chiều dài 20m, công thoát nằm trên đường Phan Bội Châu.

- *Hệ thống các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải như sau:*

(1) Đường ống dẫn nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động chế biến, sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên và khách hàng theo đường ống nhựa PVC Φ110 dẫn về hố ga chứa nước trước khi dẫn đến hệ thống xử lý nước thải.

(2) Lưới chắn rác: Có nhiệm vụ giữ lại các rác thải vô cơ có kích thước lớn như gạch, đá, bao bì nhựa, giấy carton, vải, gỗ, đất đá, các loại rác từ quá trình rửa rau quả, chế biến đông lạnh. Lưới chắn rác làm bằng thép không gỉ.

(3) Bể tách mỡ: Có nhiệm vụ tách mỡ và các hợp chất hữu cơ và vô cơ bám dính. Kích thước bể: L x B x H = 2,2 x 1,8 x 1,7 (m). Tường và đáy đổ bê tông cốt thép, chiều dày tường d = 200mm, chiều dày đáy d = 350mm. Bề mặt bể được che đậy bằng tấm đan bê tông và bố trí 2 lỗ thăm có kích thước L x B = 600 x 600 (mm). Bể tách mỡ được chia làm 2 ngăn, thông nhau bằng lỗ chờ có kích thước L x B = 200 x 200 (mm).

(4) Bể điều hòa: Có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ. Kích thước bể: L x B x H = 6,66 x 1,8 x 1,7 (m). Tường và đáy đổ bê tông đổ cốt thép, chiều dày tường

d = 200mm, chiều dày đáy d = 350mm. Bề mặt bể được che đậy bằng tấm đan bê tông và bố trí 1 lỗ thăm có kích thước L x B = 600 x 600 (mm).

(5) Bể sinh học thiếu khí: Có nhiệm vụ phân hủy các chất ô nhiễm trong điều kiện thiếu khí. Kích thước bể: L x B x H = 1,8 x 1,4 x 1,7 (m). Tường và đáy đổ bê tông cốt thép, chiều dày tường d = 200mm, chiều dày đáy d = 350mm, bề mặt bể được che kín bằng tấm đan đổ bê tông và được bố trí 1 lỗ thăm có kích thước L x B = 600 x 600 (mm). Lỗ chảy tràn qua bể sinh học hiếu khí có kích thước L x B = 200 x 200 (mm).

(6) Bể sinh học hiếu khí: Có nhiệm vụ phân hủy các chất ô nhiễm trong điều kiện có **ôxi**. Kích thước bể: L x B x H = 4,1 x 3,1 x 3,9 (m). Tường và đáy đổ bê tông cốt thép, chiều dày tường d = 200mm, chiều dày đáy d = 350mm, bề mặt bể được che kín bằng tấm đan đổ bê tông và được bố trí 2 lỗ thăm có kích thước L x B = 600 x 600 (mm). Bể sinh học hiếu khí được chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn và thông nhau bởi lỗ chờ có kích thước L x B = 600 x 600 (mm). Lỗ chảy tràn qua bể lắng có kích thước L x B = 200 x 200 (mm).

(7) Bể lắng: Có nhiệm vụ lắng trong nước ở phần trên để chảy tràn qua bể khử trùng và lắng bùn cặn để tuần hoàn lại bể thiếu khí. Kích thước bể: L x B x H = 1,8 x 1,8 x 3,9 (m). Tường và đáy đổ bê tông cốt thép, chiều dày tường d = 200mm, chiều dày đáy d = 350mm, bề mặt bể được che kín bằng tấm đan đổ bê tông và được bố trí 2 lỗ thăm có kích thước L x B = 700 x 700 (mm). Lỗ chảy tràn qua bể lắng có kích thước L x B = 200 x 200 (mm).

(8) Bể khử trùng: Có nhiệm vụ tiêu diệt hết các vi khuẩn, vi sinh vật gây bệnh còn tồn tại trong nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận. Kích thước bể: L x B x H = 1,8 x 0,8 x 3,9 (m). Tường và đáy đổ bê tông cốt thép, chiều dày tường d = 200mm, chiều dày đáy d = 350mm, bề mặt bể được che kín bằng tấm đan đổ bê tông và được bố trí 1 lỗ thăm có kích thước L x B = 600 x 600 (mm). Đường ống dẫn nước thải từ bể khử trùng ra mương dẫn nước chung của Thành phố bằng nhựa PVC Φ110. Nước thải trong bể tiếp xúc khử trùng được châm dung dịch Chlorin, NaOCl với liều lượng 4g/m³, để tiêu diệt hết các vi sinh vật gây bệnh.

(9) Bể phân hủy bùn: Có nhiệm vụ chứa bùn thải, tách nước tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí để tiếp tục xử lý. Kích thước bể: L x B x H = 2,1 x 1,2 x 3,9 (m). Tường và đáy đổ bê tông cốt thép, chiều dày tường d = 200mm, chiều dày đáy d = 350mm, bề mặt bể được che kín bằng tấm đan đổ bê tông và được bố trí 1 lỗ thăm có kích thước L x B = 600 x 600 (mm).

Bảng 3.1. Danh mục thiết bị lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải

TT	Thiết bị	Vị trí lắp đặt	Năm đầu tư xây dựng	Tình trạng
1	Lưới tách rác	Mương dẫn nước thải trước khi vào bể tách mỡ	2011	Ổn định
2	Bơm nước thải	Bể điều hòa	2011	Ổn định
3	Hệ thống cung cấp khí: Máy thổi khí, đường ống dẫn khí, đĩa khí.	Bể điều hòa và bể Aerotank	2011	Ổn định
4	Bơm bùn	Bể lắng	2011	Ổn định
5	Bơm hóa chất	Bể khử trùng	2011	Ổn định

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Quá trình hoạt động của Cơ sở hầu như không phát sinh khí thải đặc trưng mà chủ yếu là lượng khí thải phân tán, không tập trung từ phương tiện giao thông ra vào khu vực siêu thị và khí thải không thường xuyên của máy phát điện dự phòng (chỉ hoạt động khi mất điện). Hoạt động khu vực nấu bếp chủ yếu là sử dụng điện năng, do đó không phát sinh khí thải từ hoạt động này.

Vì là những loại khí thải không tập trung cũng như không thường xuyên nên dự án không áp dụng các biện pháp xử lý cụ thể mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu tương đối các tác động này như:

- Phần sân bãi xung quanh khu vực Siêu thị có nhân viên làm vệ sinh hàng ngày nhằm hạn chế tối đa việc phát sinh bụi. Đồng thời, trồng nhiều cây xanh có tác dụng điều hòa vi khí hậu trong khu vực.

- Hàng ngày, bố trí nhân viên tiến hành thu gom rác và hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà thu gom, vận chuyển đi xử lý. Tránh để rác tồn đọng lâu sẽ phân hủy, bốc mùi khó chịu, gây ảnh hưởng đến môi trường không khí trong khu vực.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu là dầu DO để vận hành khi mạng lưới điện trong khu vực gặp sự cố. Máy được bảo trì định kỳ theo quy định, nơi đặt máy được che chắn kín nhằm hạn chế tối đa tác động đến môi trường cũng như khách hàng và nhân viên hoạt động tại Siêu thị.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022), đơn vị phát sinh khoảng 141 tấn chất thải rắn sinh hoạt, 5.250 kg bùn thải, 81.117 kg phế liệu các loại. Toàn bộ chất thải được thu gom, bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý. Chi tiết được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.2. Thống kê nhóm CTRSH, bùn thải và phế liệu phát sinh năm 2022

STT	Nhóm chất thải rắn	Mã chất thải	Khối lượng/ Thể tích	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTR
1	Chất thải rắn sinh hoạt	-	141 tấn	Công ty cổ phần Môi trường và CTĐT Đông Hà
2	Bùn thải	12 06 12	5.250 kg	
3	Phế liệu các loại	-		Bà Trương Thị Bé (Kp7, phường 5, Tp.Đông Hà)
	Carton	12 08 03	79.646 kg	
	Nilon,PE	18 01 06	1.471 kg	

(Nguồn: Siêu thị Co.opmart Đông Hà)



Hình 3.6. Hình ảnh thực tế về thùng chứa CTR tại siêu thị

Siêu thị đã bố trí các thùng rác quanh các khu vực để đảm bảo thu gom CTR hiệu quả, như sau:

- 02 thùng rác 660L ở vị trí đặt tiện cho xe cuốn ép vào thu gom;
- 03 thùng rác nhỏ tại cổng ra vào dành cho khách hàng;
- 06 thùng rác nhỏ tại khu vực ẩm thực
- 03 thùng rác nhỏ tại khu sơ chế, chế biến, nấu chín
- 03 thùng rác nhỏ tại khu kinh doanh thịt, khu kinh doanh thủy hải sản
- 03 thùng rác nhỏ tại tầng 1 Siêu thị (shop và hàng tự chọn);
- 05 thùng rác nhỏ tại tầng 2 Siêu thị (shop và hàng tự chọn);
- 03 thùng rác nhỏ tại tầng 3 Siêu thị (văn phòng Siêu thị).

Siêu thị cũng tiến hành phân loại rác tại nguồn bằng biện pháp bố trí các thùng rác nhỏ có dán nhãn mác các loại CTR có khả năng tái chế, Chất thải thực phẩm, CTR sinh hoạt khác để thu gom.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại, dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt, pin,

ác quy thải... Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 92 kg/năm.

Bảng 3.3. Thống kê CTNH năm 2022

STT	Tên Chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg)
1	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	10
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	19
3	Pin, ắc quy chì	16 01 12	1
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có linh kiện điện tử	16 01 13	5
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	56
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	1
Tổng cộng			92

- Chất thải nguy hại được đơn vị thu gom chứa trong nhà kho. Tại kho chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có thực hiện dán dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa chất thải nguy hại, có mái che kín nắng mưa, đảm bảo không chảy tràn, trang bị các thiết bị PCCC,...



Hình 3.7. Hình ảnh thực tế về kho chứa chất thải nguy hại tại siêu thị

Chủ cơ sở thu gom các CTNH vào các thùng chứa riêng có dán nhãn mác (9 thùng chứa) lưu trữ tại kho CTNH của Siêu thị.

Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị thành phố Hồ Chí Minh để thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở. Tần suất thu gom là 1 lần/năm. Quá trình chuyển giao CTNH được lập Biên bản giao nhận và Chứng từ CTNH theo đúng Quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các công trình giảm thiểu tiếng ồn và rung trong quá trình vận hành của Siêu thị gồm:

- + Quy định các xe chạy chậm hạn chế sử dụng còi xe trong khu vực Siêu thị;
- + Đường nội bộ được láng bê tông chắn chắn góp phần giảm thiểu độ rung;
- + Siêu thị có bãi giữ xe, để hạn chế các phương tiện giao thông đậu bừa bãi làm mất trật tự giao đông, qua đó gián tiếp giảm thiểu phát sinh tiếng ồn....

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Sự cố hệ thống xử lý nước thải

Trong quá trình vận hành của Cơ sở, các sự cố do hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra như mất điện, lỗi hệ thống vận hành,... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng nước thải khi thải ra môi trường tiếp nhận. Do vậy, Cơ sở có các biện pháp để ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm môi trường sau:

- Hệ thống xử lý nước thải có bố trí nhân viên trực và tuân thủ đúng quy trình vận hành. Có hướng dẫn phòng ngừa và ứng phó khi xảy ra sự cố.

- Khi gặp sự cố điện tại tủ điện cần báo ngay cho đơn vị lắp đặt để kịp thời hướng dẫn xử lý sự cố. Nếu cần thời gian dài để xử lý, đơn vị lắp đặt hệ thống phải có biện pháp xử lý tạm trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Không được bơm nước thải chưa xử lý ra nguồn tiếp nhận.

- Nếu bơm bê gom bị nghẹt do rác, kiểm tra bơm nào bị sự cố. Cho vận hành bằng bơm còn lại và gỡ rác cho bơm bị nghẹt.

- Khi hệ vi sinh bị chết hay bị sốc tải phải báo cho đơn vị lắp đặt hệ thống để kịp thời hướng dẫn xử lý sự cố hoặc đến tận nơi để xử lý.

Bên cạnh đó Cơ sở có kế hoạch kiểm tra, khắc phục sự cố diễn ra định kỳ 6 tháng/lần vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm đồng thời Công ty tiến hành bảo trì, sửa chữa nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động tốt.

Phối hợp các cơ quan chức năng trên địa bàn thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng nước thải, phục vụ công tác quản lý chất lượng môi trường Cơ sở được thường xuyên.

6.2. Sự cố cháy nổ

Hoạt động siêu thị là nơi có nguy cơ cao xảy ra sự cố cháy nổ, để hạn chế những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư đã áp dụng các biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ một cách nghiêm ngặt như sau:

- Siêu thị hết sức chú trọng đến vấn đề này ngay từ lúc đầu thành lập bằng cách áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục và pháp chế.

- Thiết kế hệ thống báo cháy tự động sử dụng các đầu dò khói, còi báo cháy và chữa cháy vách tường bằng hệ thống đầu phun nước tự động (automatic sprinklers) cho nhà xưởng và các khu vực dễ phát sinh cháy.

- Các hạng mục công trình trong Siêu thị phải được nghiệm thu PCCC của cơ quan chức năng trước khi đưa vào sử dụng. Dự án đã được thẩm duyệt PCCC theo giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Các thiết bị, hệ thống được trang bị tại dự án cụ thể:

+ Hệ thống báo cháy.

+ Hệ thống chữa cháy tự động.

+ Bình chữa cháy lưu động: bố trí tại các khu vực như phòng máy thiết bị, phòng máy bơm, tại mỗi hộp vòi chữa cháy.

- Thành lập đội PCCC cơ sở để chủ động phối hợp với cơ quan PCCC khi có sự cố xảy ra.

- Tại các khu vực trong Siêu thị đều được trang bị những bình chữa cháy cầm tay, được kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo khả năng dập tắt những đám cháy xảy ra tại từng khu vực.

- Các biện pháp PCCC của Siêu thị đã được phê duyệt tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC của công trình số 327/PCCC&CNCH ngày 30/10/2020 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH.

7. Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác

Biện pháp phòng ngừa sự cố liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm

Các loại thực phẩm tươi sống có nguồn gốc từ động vật gồm thịt gia súc, gia cầm vào siêu thị bằng nhiều nguồn khác nhau, nếu sự quản lý lỏng lẻo siêu thị thì các loại thịt giết mổ mang mầm bệnh không qua kiểm dịch vào siêu thị. Điều này sẽ gây ảnh hưởng đến vấn đề an toàn thực phẩm và sự bùng phát lây lan dịch bệnh trong tình cảnh hiện nay có nhiều loại dịch như: H₅N₁, H₁N₁, lợn tai xanh...

Các nguồn tác động trên sẽ nghiêm trọng hơn nếu không có sự quản tốt của cán bộ nhân viên siêu thị.

Để phòng ngừa khả năng lây lan các dịch bệnh trên, Siêu thị luôn áp dụng các biện pháp phòng ngừa chặt chẽ như:

- Siêu thị nhập các loại thịt gia súc, gia cầm phải có nguồn gốc phải qua kiểm dịch của thú y.

- Hợp tác chặt chẽ với chính quyền trong các đợt kiểm tra liên ngành nhằm kịp thời ngăn chặn các hình thức kinh doanh không lành mạnh góp phần bài trừ các mặt hàng trôi nổi không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch, các sản phẩm hàng nhái, hàng nhập lậu.

- Sơ chế, chế biến thực phẩm đảm bảo đúng quy trình, kiểm tra chặt chẽ những sản phẩm quá hạn sử dụng để tiêu hủy, không bán cho khách mua hàng.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Ngày 11/12/2009, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 2579/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Siêu thị Co.opmart Đông Hà”. Cơ sở được cấp phép xả thải vào nguồn nước tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Các nội dung thay đổi so với Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 và Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 như sau:

Bảng 3.4. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM và GPXT

TT	Hạng mục	Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 11/12/2009	Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	Nội dung thay đổi
1	Diện tích Cơ sở	2.511 m ²	2.517 m ²	2.517 m ²
2	Quy trình kinh doanh của siêu thị	Đối với thực phẩm tươi sống sơ chế, cân bán cho khách hàng.	Sơ chế, chế biến các mặt hàng thực phẩm tươi sống tùy nhu cầu của khách hàng.	Sơ chế, chế biến các mặt hàng thực phẩm tươi sống tùy nhu cầu của khách hàng.
3	Hệ thống xử lý nước thải	Mô hình Biofast với 03 container xử lý nước thải	Xử lý bằng phương pháp sinh học gồm: Bể tách mỡ, bể điều hòa, bể sinh học, bể yếm khí, bể lắng, bể khử trùng, bể phân hủy bùn.	Xử lý bằng phương pháp sinh học gồm: Bể tách mỡ, bể điều hòa, bể sinh học, bể yếm khí, bể lắng, bể khử trùng, bể phân hủy bùn.

Ghi chú:

- Theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở theo mô hình Biofast với 03 container, tuy nhiên để phục vụ giai đoạn vận hành của Siêu thị, Chủ cơ sở đã tiến hành thay đổi bằng phương pháp sinh học gồm: Bể tách mỡ, bể điều hòa, bể sinh học, bể yếm khí, bể lắng, bể khử trùng, bể phân hủy bùn. Phương án thay đổi này đã được phê duyệt tại Giấy xác nhận số 710/QĐ-STNMT ngày 01/6/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án Siêu thị Co.opmart Đông Hà.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Siêu thị Co.opmart Đông Hà phát sinh nguồn nước thải là nước thải sinh hoạt và nước thải từ khu sơ chế thức ăn.

- Nguồn tiếp nhận nước thải là công thoát nước đường Phan Bội Châu sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung thành phố Đông Hà, xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường tiếp nhận là sông Hiếu.

- Vị trí xả thải: Vị trí xả nước thải tại điểm đầu nối và hệ thống thoát nước chung khu vực, đường Phan Bội Châu có tọa độ (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°) $X = 1.860.844$ m; $Y = 590.246$ m.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: lưu lượng xả thải tối đa của siêu thị Co.opmart Đông Hà xin cấp phép là $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Dòng nước thải: Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của thành phố tại đường Phan Bội Châu, phía Tây Bắc của Cơ sở.

- Phương thức và chế độ xả thải: Xả bằng hình thức bơm, chế độ xả thải liên tục, thời gian xả thải là 24 giờ/ngày.đêm.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT – cột B, hệ số $K=1,2$)

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	mg/l	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của Cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, Chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn độ rung: Khu vực phòng máy phát điện dự phòng có tọa độ (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°) X = 1.860.838 m; Y=590.258 m.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Để đánh giá, giám sát chất lượng môi trường trong quá trình vận hành của Cơ sở, Chủ cơ sở đã hợp đồng với Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường để thực hiện công tác quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành với tần suất 04 đợt/năm, kết quả như sau:

- *Vị trí lấy mẫu:* nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (NTCM2); tọa độ X: 1860844 m, Y: 590246 m.

- *Thông số phân tích:* Các thông số trong nước thải cần phân tích theo Quy chuẩn hiện hành như sau: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua (tính theo H₂S), NH₄-N, NO₃-N, PO₄-P, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

Bảng 5.1. Chất lượng nước thải sau khi xử lý theo kết quả quan trắc năm 2022 - nay

STT	Thông số	Kết quả Quan trắc mẫu NTCM2							QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, K=1,2
		Năm 2022				Năm 2023			
		Quý 1 (11/3)	Quý 2 (26/5)	Quý 3 (30/9)	Quý 4 (22/10)	Quý 1 (29/3)	Quý 2 (22/5)	Quý 3 (05/9)	
1	pH	6,9	7,8	6,9	6,8	7,2	6,9	6,9	5-9
2	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	217	268	536	311	1.133	282	367	1.200
3	TSS (mg/l)	KPH	8,6	7,6	11	347	46	6,2	120
4	BOD ₅ (mg/l)	5,9	6,5	9,2	22	94	10	9,1	60
5	Sunfua (mg/l)	KPH	0,13	0,12	0,09	0,21	0,08	0,07	4,8
6	Nh ₄ -N (mg/l)	0,22	0,32	0,62	0,33	1,57	0,72	2,92	12
7	NO ₃ -N (mg/l)	10,8	10,2	34,5	8,22	1,39	13,2	10,4	60
8	PO ₄ -N (mg/l)	1,62	1,75	1,26	2,90	KPH	0,36	1,47	12
9	Dầu mỡ động, thực vật (mg/l)	KPH	1,6	1,1	KPH	3,6	2,6	1,7	24
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt (mg/l)	0,52	0,54	1,42	0,21	0,82	0,05	1,56	12
11	Tổng Coliform (mg/l)	1.091	478	364	1.091	3.640	453	3.240	5.000

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện

Nhận xét: kết quả phân tích cho thấy, tất cả các chỉ tiêu phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải siêu thị Co.opmart Đông Hà trong năm 2022 đều đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT. Trong năm 2023, đợt quan trắc ngày 29/3/2023 có chỉ tiêu TSS, BOD₅ tăng do quá trình sục rửa hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở, vào các đợt quan trắc tiếp theo các chỉ tiêu phân tích chất lượng nước thải sau xử lý đều đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT.

Do đó, việc xả nước thải của siêu thị ra môi trường sẽ không gây tác động tiêu cực đến môi trường.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở hoàn thành HTXL nước thải vào năm 2011 và được cấp phép xả thải vào nguồn nước tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị. Căn cứ khoản 4, điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng có lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

a. Giám sát CTR, CTNH

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Vị trí giám sát: Tại điểm tập kết rác của Siêu thị.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

b. Giám sát nước thải

- Giám sát lưu lượng nước thải: nhân viên vận hành hệ thống cập nhật lưu lượng nước thải vào sổ công tác vận hành để theo dõi lưu lượng nước thải. Thời gian cập nhật lưu lượng nước thải là cuối ngày làm việc.

- Số lượng giám sát: 1 điểm.

- Vị trí giám sát: Vị trí xả thải ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua (tính theo H₂S), NH₄-N, NO₃-N, PO₄-P, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

c. Giám sát tiếng ồn, độ rung, điện từ trường

* *Giám sát tiếng ồn, độ rung:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí, tại khu vực phòng máy phát điện dự phòng
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của Cơ sở là 30.000.000 đồng.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Ngày 11/7/2022, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường (PC05) đã thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường tại Cơ sở. Qua quá trình thanh tra, kiểm tra cơ quan chức năng đã làm việc với các nội dung như sau:

1. Khảo sát thực tế:

- Nước thải được xử lý đúng quy trình trước khi đưa ra môi trường, đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố Đông Hà.

- Khu vực sơ chế, chế biến thực phẩm được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, nhân viên chế biến thực phẩm vệ sinh đảm bảo.

2. Kiến nghị của đoàn:

- Đề nghị Siêu thị Co.opmart tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ Môi trường và ATVSTP.

- Tăng cường công tác vệ sinh tại khu sơ chế, chế biến thực phẩm.

Trên cơ sở, kết luận của Cơ quan chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường. Công ty đã tiếp thu và nghiêm túc thực hiện các công tác BVMT và ATVSTP.

(Biên bản làm việc của Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường được đính kèm tại phụ lục)

Chương VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Giấy chứng nhận về PCCC;
- Bản vẽ công trình bảo vệ môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến cơ sở.